UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐH HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA
Trình độ Đại học, ngành Sư phạm Ngữ văn CLC

(*Ban hành theo Quyết định số 1796/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức*)

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Sư phạm Ngữ văn CLC

+ Tiếng Anh: Hight Teacher Education of Literature and Vietnamese

- Trình độ: Đại học

- Mã ngành đào tạo: 7140217

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Giới thiệu tóm tắt về chương trình đào tạo:

Đào tạo giáo viên Trung học phổ thông ngành Ngữ văn chất lượng cao có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức khoa học cơ bản và khoa học giáo dục vững vàng; có khả năng giảng dạy môn Ngữ văn tại các trường phổ thông đại trà, trường chuyên, trường chất lượng cao và các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp; có khả năng dẫn dắt chuyên môn, thích ứng tốt với môi trường giáo dục hiện đại; có khả năng thu thập, khai thác, sử dụng hiệu quả các giá trị văn hóa, truyền thống của địa phương, đất nước vào thực tiễn giáo dục ở phổ thông; có khả năng học lên ở những bậc học cao hơn để phát triển nghề nghiệp.

2. CHUẨN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP

***- Kiến thức*:**

- Có kiến thức lí luận chính trị và kiến thức cơ bản nền tảng, thực tế vững vàng; có trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; đáp ứng tốt trình độ tin học theo Quy định hiện hành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Có kiến thức chuyên ngành nâng cao về văn học, tiếng Việt, làm văn và phương pháp dạy học bộ môn.

- Nắm vững nghiệp vụ sư phạm, có kiến thức đầy đủ về tâm lí, giáo dục học, kiến thức quản lí hành chính nhà nước và quản lí giáo dục.

***- Kỹ năng*:**

- Vận dụng hợp lí kiến thức môn học, đảm bảo nội dung dạy chính xác, có hệ thống, vận dụng hợp lí các kiến thức liên môn theo yêu cầu cơ bản, hiện đại, thực tiễn.

- Biết vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học phổ thông

- Biết vận dụng những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học phổ thông;

- Có kĩ năng xây dựng kế hoạch dạy học môn Ngữ văn, kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ văn, hoạt động giáo dục phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục;

- Có kĩ năng vận dụng phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực, hình thành năng lực và phương pháp tự học của học sinh trung học phổ thông;

- Có kĩ năng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và hội thi cho học sinh trung học phổ thông;

- Có kĩ năng xây dựng, bảo quản, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định.

- Có khả năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, học tập, nghiên cứu; có thể đọc và dịch được tài liệu chuyên ngành.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào dạy học môn Ngữ văn

- Có khả năng vận dụng hoặc viết sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng;

- ***Thái độ***:

Có phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm; hứng thú, say mê, sáng tạo trong học tập; yêu nghề, nhiệt tình trong công tác; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học; có nhu cầu tự học nâng cao trình độ thích ứng với sự biến đổi không ngừng của môi trường giáo dục trong các tình huống thực tế.

- ***Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*:**

- Có năng lực chủ trì, dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ trong dạy học Ngữ Văn ở bậc trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục chất lượng cao;

- Có sáng kiến tốt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu Ngữ văn và quản lí giáo dục;

- Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

- Có năng lực cập nhật thông tin, kiến thức mới về khoa học chuyên ngành;

- Có khả năng thích ứng tốt với các kiểu mô hình giáo dục hiện đại, đổi mới,sáng tạo;

- Có năng lực đánh giá và cải tiến tốt các hoạt động dạy học Ngữ Văn, đưa ra được kết luận đúng đắn về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, khoa học của các kết luận đó.

- ***Tiếng Anh*:** Đạt bậc 4 (B2) trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc ngoại ngữ Việt Nam. Có kĩ năng giao tiếp bằng tiếng Anh và sử dụng tiếng Anh

chuyên ngành trong nghiên cứu, học tập Ngữ văn; có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo về ngành Ngữ văn hay bài phát biểu về các chủ đề trong công việc liên quan đến Ngữ văn; có thể viết báo cáo, trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề trong lĩnh vực Ngữ văn bằng Tiếng Anh.

Về công nghệ thông tin

- Sử dụng công nghệ thông tin thành thạo trong khai thác Internet; các phần mềm tin học cơ bản trong soạn thảo văn bản, thiết kế bài giảng điện tử, video, ..phục vụ công tác, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Sử dụng thành thạo có hiệu quả công nghệ thông tin và truyền thông, các phương tiện dạy học trong giảng dạy Ngữ văn.

- Đạt chuẩn kỹ năng tin học cơ bản và Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

3. KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI TỐT NGHIỆP

3.1. Những nhiệm vụ chính mà người tốt nghiệp có thể làm được

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Sư phạm Ngữ văn, bậc đào tạo Đại học có khả năng đáp ứng được 5 nhiệm vụ chính sau đây:

- Giảng dạy Ngữ văn ở các cấp THCS, THPT, THPT đại trà, THPT chuyên (chất lượng cao)

- Có thể làm việc trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong cả nước nếu đáp ứng đầy đủ những yêu cầu về trình độ và năng lực cao hơn;

- Có thể làm công tác nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu giáo dục, nghiên cứu sư phạm, nghiên cứu văn học, nghiên cứu ngôn ngữ;

- Có thể làm chuyên viên và quản lí tại các trường học, các cơ sở quản lí giáo dục, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ phát triển giáo dục;

- Tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn thuộc chuyên ngành Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt, Văn học nước ngoài, Lí luận văn học, Văn học dân gian,…

3.2. Yêu cầu kết quả thực hiện nhiệm vụ

Chuẩn đầu ra/Yêu cầu năng lực nghề nghiệp	**Kết quả thực hiện nhiệm vụ**
I. PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC	
1. Phẩm chất chính trị	- Có phẩm chất chính trị tốt, thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ công dân và có phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong của nhà giáo;

	- Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, chinh sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia các hoạt động chính trị - xã hội; thực hiện nghĩa vụ công dân;
2. Đạo đức nghề nghiệp	Yêu nghề, gắn bó với nghề dạy học; chấp hành Luật Giáo dục, điều lệ, quy chế, quy định của ngành; có ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm; giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; sống trung thực lành mạnh, là tấm gương tốt cho HS;
3. Ứng xử với học sinh	Thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh, giúp học sinh khắc phục khó khăn để học tập và rèn luyện tốt;
4. Ứng xử với đồng nghiệp	Đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp; có ý thức xây dựng tập thể tốt để cùng thực hiện mục tiêu giáo dục.
II. NĂNG LỰC GIAO TIẾP	
5. NL giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ	- Biết vận dụng kiến thức về hoạt động giao tiếp, văn hóa giao tiếp để xác định được mục đích giao tiếp, đối tượng giao tiếp, nội dung giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp, dự kiến được những thuận lợi, khó khăn, tôn trọng, lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp. - Biết phối hợp các phương tiện giao tiếp; lời nói, cử chỉ điệu bộ một cách hợp lí; - Biết vận dụng các nguyên tắc và kĩ thuật trình bày để diễn đạt được các ý tưởng một cách rõ ràng; - Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lời nói ngắn gọn súc tích; phát âm chuẩn, âm lượng, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, tư thế phù hợp; diễn đạt mạch lạc dễ hiểu, lập luận logic có tác động đến cả nhận thức và tình cảm của HS khi trình bày nội dung dạy học, giáo dục, giao tiếp.
7. Năng lực giao tiếp với học sinh và các mối quan hệ xã hội	- Biết tạo không khí giao tiếp thuận lợi, thể hiện ở sự cởi mở, lịch sự, tự tin, dân chủ và linh hoạt - Biết gây thiện cảm với đối tượng giao tiếp thể hiện ở sự cởi mở, tôn trọng chân thành, thiện chí trong giao tiếp ứng xử; - Biết lắng nghe và phản hồi tích cực; - Biết hợp tác cùng chịu trách nhiệm và chia sẻ kinh nghiệm trong quản lí giáo dục và đào tạo. - Biết tạo bầu không khí tiếp xúc thoải mái, tin tưởng ở HS thể hiện ở sự cởi mở, quan tâm, thân thiện và tôn trọng HS; - Biết lựa chọn và thể hiện các phương tiện giao tiếp phù hợp với

	tình huống giao tiếp trong giáo dục HS; - Biết lắng nghe và làm chủ được cảm xúc của bản thân trong giao tiếp với HS; - Biết thuyết phục cảm hóa HS thay đổi niềm tin sai lệch và những hành vi không mong đợi.
III. NĂNG LỰC DẠY HỌC	
8. Năng lực xây dựng kế hoạch dạy học Ngữ văn	- Có khả năng xây dựng kế hoạch dạy học môn Ngữ văn theo hướng tích hợp với giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức, thẩm mĩ, giáo dục kĩ năng sống cho học sinh thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với đặc thù của môn học, phù hợp với đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục; - Có khả năng phối hợp hoạt động dạy của giáo viên với hoạt động học của học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; - Có kiến thức, kỹ năng đảm bảo thực hiện các yêu cầu dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông; - Có kĩ năng hoàn thành công việc trong hoạt động dạy học Ngữ văn ở một số khâu cơ bản như xây dựng kế hoạch dạy học; thiết kế giáo án, tổ chức dạy học giờ trên lớp, giờ ngoại khóa, ra đề, chấm bài, trả bài, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo quy định hiện hành.
9. Đảm bảo kiến thức các khoa học liên môn bổ trợ, nền tảng	Biết vận dụng kiến thức liên môn để giải thích, bổ sung làm sáng tỏ các nội dung của môn học Ngữ văn sẽ dạy ở phổ thông;
10. Đảm bảo kiến thức, kĩ năng môn học Ngữ văn sẽ dạy ở phổ thông	- Biết phân tích cấu trúc môn học về logic nội dung, các loại kiến thức; quan hệ liên môn, sự tích hợp trong nội dung môn học Ngữ văn, bao gồm: Văn (Lí luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài) – Tiếng Việt – Làm văn; - Đảm bảo nội dung dạy học chính xác, có hệ thống, vận dụng hợp lí các kiến thức liên môn theo yêu cầu cơ bản, hiện đại gắn với thực tiễn;
11. Vận dụng các phương pháp dạy học	Vận dụng các phương pháp dạy học và các hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát huy năng lực và phẩm chất người học;
12. Vận dụng các phương tiện dạy học	Vận dụng các phương tiện dạy học hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn trong nhà trường và làm tăng hiệu quả dạy học Văn – Tiếng Việt – Làm văn;

13. Dạy học tích hợp	- Biết vận dụng kiến thức về dạy học tích hợp để nhận xét các chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THPT; - Biết phân tích khả năng dạy học tích hợp của một chủ đề, một phần, một chương trong chương trình môn học Ngữ văn ở THPT; - Biết soạn và triển khai kế hoạch dạy học tích hợp một chủ đề, một bài học, tiết học Ngữ văn ở THPT. - Có khả năng dạy tích hợp liên môn và dạy học tích hợp xuyên môn
14. Dạy học phân hóa	- Biết vận dụng kiến thức về dạy học phân hóa để nhận xét các chương trình môn học Ngữ văn THPT hiện hành; - Biết lập và thực hiện kế hoạch bài học có tính đến các đặc điểm khác nhau về khả năng, thái độ, nhận thức của HS.
15. Quản lí hồ sơ dạy học	- Biết cách xây dựng, bảo quản và sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định; - Biết sử dụng hợp lí hồ sơ dạy học trong đánh giá, xếp loại học sinh.
16. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh	- Biết thiết kế một cuộc đánh giá trong giáo dục: Xác định mục đích và mục tiêu; xác định nội dung đánh giá; xây dựng các tiêu chí đánh giá; lựa chọn phương pháp và hình thức đánh giá; thiết kế công cụ đánh giá; chọn mẫu đánh giá. - Đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh một cách chính xác, khách quan, công bằng có tác dụng thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của học sinh. - Biết cách chấm bài, cho điểm, ghi nhận xét và công bố kết quả bài làm của HS đảm bảo yêu cầu chính xác, công bằng, khách quan, phát triển năng lực người học; - Biết sử dụng hợp lí kết quả đánh giá định tính và định lượng để điều chỉnh hoạt động dạy và học.và giáo dục HS; - Biết sử dụng một số phần mềm trên máy vi tính để xử lí và phân tích số liệu trong điều tra, khảo sát, đánh giá.
17. Phát triển chương trình môn học	- Biết vận dụng kiến thức về chương trình để phân tích, nhận xét chương trình môn học Ngữ văn hiện hành ở trường PT; cách tiếp cận xây dựng chương trình; các yếu tố cấu thành chương trình Ngữ văn THPT gồm mục tiêu, nội dung (chương trình, sách giáo khoa), phương pháp dạy học, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá chất lượng dạy học. - Biết phân tích lộ trình phát triển nội dung của môn học Ngữ văn hiện hành ở THPT.

IV. NĂNG LỰC GIÁO DỤC	
18. Năng lực tìm hiểu đối tượng giáo dục	Có kiến thức, kỹ năng tìm hiểu người học và môi trường giáo dục để dạy học và giáo dục phù hợp; Có phương pháp thu thập và xử lí thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của học sinh; sử dụng các thông tin thu được vào dạy học, giáo dục;
19. Năng lực tìm hiểu môi trường giáo dục	Có phương pháp thu thập và xử lí thông tin về điều kiện giáo dục trong nhà trường và tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, sử dụng các thông tin thu được vào dạy học, giáo dục.
20. Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục	- Kế hoạch các hoạt động giáo dục được xây dựng thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.
21. Giáo dục qua dạy học môn học	- Thực hiện nhiệm vụ giáo dục tư tưởng, tình cảm, thái độ, thẩm mĩ thông qua việc giảng dạy môn học: Văn (Lí luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài) - Tiếng Việt- Làm văn; - Tích hợp các nội dung giáo dục khác trong các hoạt động chính khóa và ngoại khóa (hoạt động trải nghiệm sáng tạo) theo kế hoạch đã xây dựng.
22. Giáo dục qua việc giải quyết các tình huống giáo dục	- Biết thu thập và xử lí thông tin cần thiết để lựa chọn và thực hiện phương án giải quyết tình huống phù hợp nhất; Biết đánh giá cách giải quyết tình huống và rút kinh nghiệm.
23. Giáo dục qua tư vấn, tham vấn cho HS	- Biết xây dựng quan hệ tin cậy với HS; Biết đặt mình vào vị trí của HS để hiểu vấn đề qua lăng kính của các em; Biết làm cho HS tự ra quyết định và giải quyết vấn đề một cách tích cực.
24. Giáo dục những HS có hành vi không mong đợi	- Biết khơi dậy lòng tự trọng và tôn giá trị để HS tự giáo dục và hoàn thiện bản thân; - Biết ứng xử phù hợp với những dạng hành vi không mong đợi của từng HS; Biết làm cho HS thay đổi cách nghĩ, quan niệm, niềm tin sai lệch dẫn đến hành vi tiêu cực; - Biết đánh giá hiệu quả của các tác động giáo dục và sự tiến bộ của HS về nhận thức, thái độ, hành vi.
25. Giáo dục qua các hoạt động trong cộng đồng	Thực hiện nhiệm vụ giáo dục qua các hoạt động trong cộng đồng như: lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội, từ thiện,… theo kế hoạch đã xây dựng.

26. Phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường	- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp các lực lượng trong giáo dục HS gồm: cha mẹ HS, GV bộ môn, với đoàn thanh niên và các lực lượng GD có liên quan khác để tổ chức các hoạt động giáo dục và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thống nhất; - Phối hợp với gia đình, các lực lượng xã hội cùng cải thiện môi trường giáo dục.
V. NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI	
27. Năng lực tham gia các hoạt động XH	- Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, xây dựng xã hội học tập.
28. Năng lực tổ chức các hoạt động xã hội	- Phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng trong hỗ trợ giám sát việc học tập, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng đáp ứng nhu cầu phát triển nhà trường.
VI. NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP	
29. Năng lực tự đánh giá	- Có kiến thức, kĩ năng tự đánh giá, tự học và nghiên cứu khoa học để phát triển nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của giáo dục phổ thông; - Biết đối chiếu các yêu cầu của nghề dạy học môn Ngữ văn và yêu cầu của thực tiễn giáo dục với phẩm chất, năng lực của bản thân để rút ra những mặt mạnh, mặt yếu; - Biết rút ra những bài học kinh nghiệm từ những thành công và thất bại của bản thân và đồng nghiệp trong hoạt động dạy học Ngữ văn và giáo dục; - Biết sử dụng kết quả đánh giá vào việc bồi dưỡng, phát triển năng lực nghề nghiệp của bản thân.
30. Năng lực tự học tập, bồi dưỡng	- Biết xây dựng kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng phù hợp cho từng giai đoạn; - Biết tìm kiếm, khai thác, xử lí khoa học, có hiệu quả các chương trình và các nguồn tài nguyên học tập (sách, báo, tạp chí, các trang thiết bị,...) phục vụ cho việc học tập, bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp;
31. Nghiên cứu khoa học	- Biết vận dụng những kiến thức môn học để giải thích, bổ sung, làm sáng tỏ bản chất các hiện tượng là đối tượng nghiên cứu của ngành Ngữ văn; - Biết xác định vấn đề hay câu hỏi nghiên cứu cần trả lời trong

	dạy học môn Ngữ văn ở nhà trường PT; Diễn đạt vấn đề nghiên cứu thành tên đề tài; lập thư mục tài liệu có liên quan,... - Biết vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào việc thực hiện có hiệu quả các đề tài cụ thể thuộc lĩnh vực dạy học môn Ngữ văn, lĩnh vực giáo dục: biết diễn đạt đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu và giả thuyết khoa học; lựa chọn cách tiếp cận giải quyết vấn đề và các PP thu thập thông tin. - Có kĩ năng vận dụng các phương pháp, kĩ thuật chủ yếu để nghiên cứu những đề tài khoa học dưới dạng các tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bài báo khoa học, luận văn tốt nghiệp,... thuộc lĩnh vực dạy học Ngữ văn hoặc khoa học cơ bản.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS. Hoàng Thị Mai